

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG

Năm báo cáo: năm 2024

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước

Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

TÊN GỌI : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG

TÊN TIẾNG ANH: VINACAP KIM LONG JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : VINACAP KIM LONG.,JSC

Trụ sở : Dốc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 35377989

Fax: (84.24) 35377988

Website : www.vinacap.vn

Email: vinacap@vinacap.vn

Mã số thuế : 0 1 0 2 3 0 6 4 1 3

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh : 156.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp : 156.000.000.000 đồng

1.1 Quá trình hình thành và phát triển

Tháng 11/1992: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam liên doanh với hãng Daesung của Hàn Quốc để thành lập Công ty liên doanh cáp Vinadaesung. Công ty liên doanh đầu tiên của ngành BCVT Việt Nam sản xuất cáp thông tin sợi đồng phục vụ quá trình số hóa mạng lưới.

Tháng 3/2001: Tập đoàn NEXANS - Pháp mua và đổi tên hãng Daesung thành NEXANS Korea. Cùng với NEXANS Korea, Công ty Liên doanh cáp Vinadaesung trở thành thành viên của tập đoàn NEXANS, nhà sản xuất cáp và hệ thống mạng hàng đầu thế giới. Nhận chứng chỉ chất lượng ISO 9001: 2000 do tổ chức quốc tế TÜV CERT - TÜV Nord (CH Liên bang Đức cấp) và đầu tư thêm một dây chuyền sản xuất cáp Lan đầu tiên tại Việt nam .

Tháng 6/2007: Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng (VINACAP) được thành lập để chuẩn bị tiếp quản hoạt động của Công ty Liên doanh cáp Vinadaesung giải thể do hết thời hạn 15 năm liên doanh, các cổ đông sáng lập bao gồm: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Công ty Điện lực miền Bắc (EVN-NPC) nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc và Công ty Cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn thông (COKYVINA).

Ngày 9/11/2007 Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng (VINACAP) chính thức tiếp quản tài sản và mọi hoạt động của Công ty Liên doanh Cáp Vinadaesung để đi vào hoạt động.

Năm 2008: Dây chuyền sản xuất cáp quang được đưa vào hoạt động, công ty lần đầu tiên có sản phẩm mới hoàn toàn: Cáp quang.

Năm 2009: Dây chuyền sản xuất cáp điện dân dụng hiện đại được đưa vào hoạt động, công ty chính thức xâm nhập thị trường Dây cáp điện. Đồng thời là nhà phân phối sản phẩm Simcard cho hãng Gemato. VINACAP – VINAPHONE – HP ký thỏa thuận để phân phối sản phẩm Laptop 3G có tích hợp dịch vụ viễn thông, Vinacap chính thức tham gia phân phối thiết bị công nghệ thông tin.

Năm 2010: VINACAP tổ chức nghiên cứu và phát triển điện thoại di động 2 sim mang nhãn hiệu AVIO. VINACAP – VINAPHONE ký thỏa thuận để sản xuất và cung cấp máy điện thoại di động có tích hợp dịch vụ Vinaphone tạo thành bộ hoà mạng Alo_Avio độc đáo. Điện thoại AVIO tạo thành một hiện tượng đặc biệt về nhu cầu trên thị trường nhờ Rẻ - Đẹp – Tiện ích.

Tháng 11/2010: Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu mạng thành Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP.

Tháng 3/2022: Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP thành Công ty Cổ phần Vinacap Kim Long. Công ty VINACAP định hướng phát triển sản xuất kinh doanh trên 3 hướng: Sản xuất dây cáp (cáp quang, cáp điện, cáp Lan) và thiết bị điện; Phát triển các thiết bị đầu cuối cho mạng viễn thông; Kinh doanh dịch vụ giá trị gia tăng và dịch vụ viễn thông.

Các thành tích

Là một trong những nhà sản xuất các loại cáp có uy tín nhất từ năm 1992, từ công ty Liên doanh Vinadaesung nay trở thành Công ty Cổ phần VTĐT VINACAP, công ty đã tiến hành đa dạng hoá nhanh chóng, ngày càng khẳng định chỗ đứng của mình trên thị trường trong nước. Sản phẩm của Công ty luôn được đánh giá cao, đạt nhiều thành tích trong các kỳ tham gia hội chợ triển lãm, các cuộc bình chọn sản phẩm chất lượng, thương hiệu uy tín.

Công ty vinh dự được đón các đồng chí Lãnh đạo Đảng và Nhà nước tới thăm:

Đồng chí Tổng Bí Thư Đỗ Mười.

Đồng Chí Chủ tịch nước Trần Đức Lương.

Đồng Chí Chủ tướng Chính Phủ Nguyễn Tấn Dũng.

Bí Thư Thành ủy Hà nội Phạm Thế Duyệt

Các đoàn Bộ trưởng Viễn Thông Hàn Quốc, Lào, Campuchia đến thăm

Các danh hiệu Công ty đạt được qua các năm như sau:

Năm 1998: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và các giải thưởng về chất lượng

Năm 2001: Bằng khen của Bộ thương mại

Năm 2003: Huân chương lao động hạng ba

Năm 2004: Bằng khen của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, bằng khen của Ủy ban Nhân dân TP Hà nội, Bằng khen của Ban chấp hành liên đoàn lao động Việt nam.

Năm 2005: Bằng khen của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt nam, Bằng khen của Ban chấp hành Công đoàn Bưu điện Việt nam, Bằng khen của Ủy ban Nhân dân TP Hà nội.

Năm 2006: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng .

Năm 2007: Cờ thi đua của Bộ Thông tin Truyền thông

Năm 2008: Cờ thi đua của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

Năm 2009: Cờ thi đua của Bộ Thông tin & Truyền thông, Huy chương vàng Hội trợ triển lãm, và nhận giải thưởng Top 100 thương hiệu mạnh Việt Nam 2009 do thời báo Kinh Tế bầu chọn

Năm 2010: Cờ thi đua của Chính phủ Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Năm 2011: Chủ tịch nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định số 153, ngày 08/09/2011, tặng huân chương lao động hạng nhì giai đoạn 2006-2010.

Năm 2013: Bằng khen của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông,

Năm 2014: Bằng khen của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông,

Năm 2015: Cờ thi đua của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông,

Năm 2016: Cờ thi đua của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông,

Năm 2017: Bằng khen của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông,

Năm 2018: Bằng khen của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông,

Hoạt động marketing

Công ty có kế hoạch khuếch trương hình ảnh Công ty một cách đồng bộ và mạnh mẽ thông qua truyền hình, quảng cáo trên các tạp chí có uy tín, tài trợ các chương trình thể thao văn hoá ... với phương châm: Hiệu quả - thiết thực, tạo được ấn tượng tốt đối với khách hàng.

Hiện nay, Công ty đã tập trung xây dựng thương hiệu **Dây cáp và Thiết bị điện VINACAP**, đồng thời thiết lập được hệ thống kênh phân phối Dây cáp và thiết bị điện rộng khắp các tỉnh/thành phố trên cả nước. Hệ thống phân phối của Công ty có nguồn nhân lực gồm các giám sát bán hàng, đại diện thương mại ở khắp các tỉnh có năng lực phát triển thị trường tốt.

Hệ thống phân phối của Công ty được xây dựng theo mô hình như sau:



Nguồn: Vinacap

Đối với cáp viễn thông (cáp quang và cáp thông tin lõi đồng), Công ty thực hiện phát triển mạnh kênh bán hàng cho các dự án xây dựng lớn, có một bộ phận kinh doanh dự án chuyên phục vụ cho việc đấu thầu, tìm kiếm và phát triển các đối tác lớn như các Tổng công ty xây dựng, chủ đầu tư các khu đô thị, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, các công ty thiết kế....

Công ty đã thành lập bộ phận thương hiệu chuyên nghiệp, nằm trong phòng Vật tư-Thương mại-Thương hiệu với các nhân viên có trình độ đại học chuyên sâu.

Công ty đã có bộ tiêu chuẩn nhận diện chuyên nghiệp do công ty tư vấn thương hiệu Sacctchi and Sacctchi thực hiện, thời gian vừa qua công ty đã có nhận diện tốt trên thị trường thông qua hệ thống biển bảng của đại lý, một số chương trình truyền hình, báo chí... Các chương trình này đã giúp quảng bá hình ảnh của công ty trên thị trường.

Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Coi trọng vai trò của thương hiệu trong cạnh tranh thị trường và xây dựng giá trị doanh nghiệp lâu dài, ngay từ khi thành lập công ty đã thuê tư vấn nước ngoài Hãng Saatchi and Saatchi giúp xây dựng chiến lược thương hiệu, hệ thống hoá toàn bộ nhận diện hình ảnh và phương án triển khai xây dựng thương hiệu lâu dài.

Với nỗ lực không ngừng Vinacap ngày càng khẳng định thương hiệu của mình, do vậy để bảo vệ thương hiệu và đảm bảo hoạt động trong tương lai, Công ty đã đăng ký nhãn hiệu thương mại bản quyền tại Cục Sở Hữu Trí Tuệ theo biên bản đăng ký năm 2006 với mẫu thương hiệu đăng ký là.



1.2. Logo của Công ty

Ý nghĩa:

Logo công ty hình con tê giác màu nâu trên nền xanh: con tê giác là con vật to lớn, mạnh khỏe nhưng lại rất nhanh nhẹn. Hiện nay môi trường ngày càng ô nhiễm và nạn săn bắn Tê giác làm nguy cơ tuyệt chủng rất cao. Màu xanh thể hiện của bầu trời trong xanh, môi trường trong lành, cuộc sống hòa bình, ổn định và bền vững.

1.3. Khẩu hiệu: “Dây chắc mạch bền” cho dây và cáp

Dựa trên câu tục ngữ “Ăn chắc mặc bền”. Ý nghĩa: Vừa nói lên đặc thù sản phẩm dây và cáp của công ty, vừa nêu bật được chất lượng sản phẩm của Công ty. Trong tương lai, đối với mỗi dòng sản phẩm công ty sẽ có sẽ có khẩu hiệu riêng phù hợp với sản phẩm.

Định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Để đưa Công ty phát triển phù hợp với xu thế phát triển của ngành và của nền kinh tế, trong các năm tiếp theo, Ban lãnh đạo Công ty có những kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh như sau:

Xây dựng văn hóa công ty trên các trụ cột “Chất lượng – Sáng tạo – Táo bạo”, tuyên truyền quán triệt tới từng lao động để từng bước xây dựng thương hiệu cho công ty, đưa Công ty trở thành mái nhà lớn tập hợp người con người tâm huyết và tài năng.

Chiến lược của Công ty là “Phát triển bền vững” với các lĩnh vực chính:

Sản xuất cáp các loại và thiết bị điện dân dụng: Hai nhóm sản phẩm chính là nhóm ngành Cáp viễn thông – Dây cáp điện với các sản phẩm Cáp quang, Dây cáp điện và thiết bị điện dân dụng,

Nhóm ngành sản phẩm thiết bị đầu cuối viễn thông. Công ty hướng tới trở thành nhà nghiên cứu, sản xuất và phân phối có uy tín trên thị trường.

Phát triển dịch vụ giá trị gia tăng và dịch vụ kỹ thuật cho mạng viễn thông, đây là hoạt động nhiều triển vọng, phù hợp với chiến lược tăng tốc công nghiệp nội dung, giải trí tại Việt nam.

Thực hiện kinh doanh thương mại với các mặt hàng chủ đạo gồm tổ chức kênh phân phối về thiết bị viễn thông, phụ kiện phục vụ trong và ngoài Tập đoàn, và hoạt động thương mại mua, bán vật tư sản xuất cáp phục vụ các dự án, công trình xây dựng.

Về chính sách chất lượng, với tôn chỉ “Sản xuất, cung cấp sản phẩm dịch vụ đạt chất lượng cao, có vị trí hàng đầu về chất lượng tại Việt Nam và thoả mãn yêu cầu của khách hàng; trên cơ sở đó, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty và mang lại lợi ích hợp lý cho các Cổ đông”, Công ty cam kết thực luôn thực hiện đúng các quy trình quản lý và sản xuất, không ngừng nghiên cứu áp dụng các giải pháp cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm thiểu hư hỏng, thất thoát.

Với khách hàng, Công ty luôn duy trì tinh thần làm việc nghiêm túc, chuyên nghiệp, xây dựng quan hệ lâu dài, gần gũi với mọi khách hàng và bạn hàng; bám sát thị trường để kịp thời đề xuất cải tiến và điều chỉnh sản phẩm, dịch vụ cho phù hợp.

Về xây dựng chiến lược nguồn nhân lực, hoạch định nguồn nhân lực trong từng giai đoạn phát triển của Công ty, Công ty có chính sách, chế độ đãi ngộ phù hợp để thu hút nhân tài. Công ty xác định con người là nguồn lực quan trọng nhất trong tất cả các nguồn lực để phát triển sản xuất kinh doanh, là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp..

Tất cả các chính sách và chiến lược trên được thực hiện để hướng tới khách hàng: Luôn tận tâm vì sự hài lòng của khách hàng, xây dựng mối quan hệ với các khách hàng nhằm tăng thêm giá trị, lợi ích và luôn vượt lên sự mong đợi của khách hàng.

Định hướng phát triển của Công ty nêu trên được đánh giá là phù hợp với định hướng phát triển của ngành hạ tầng viễn thông – điện lực.

Thị trường tiêu thụ

VINACAP là đơn vị thành viên Tập đoàn VNPT đã có quan hệ truyền thống và uy tín lâu năm với Tập đoàn, Viễn thông và Bưu điện tỉnh thành trong cả nước, các đơn vị trong VNPT. Cụ thể:

Tập đoàn VNPT, Viễn thông/Bưu điện tỉnh thành trên cả nước; Tổng Công ty VNPT VINAPHONE; Tổng Công ty Viễn thông Mobifone; Tập đoàn Viettel, Tập đoàn EVN, FPT, CMC.....các dự án xây dựng, công trình xây dựng....

Phát triển các kênh phân phối bán hàng trên toàn quốc về sản phẩm điện và thiết bị điện..... cung các trung tâm bảo hành và chăm sóc khách hàng trên toàn quốc...

Các hãng, đối tác nước ngoài: Nexans, Epsilon, Mercury, Borouge, Simitomo, Fujikura, Corning, Gemalto, Workz, Microsoft, ITEL, HP, Alcatel, Huawei, ZTE, Dow, Teijin, ...

1.4. Công ty được UBCKNN chấp thuận đăng ký Công ty đại chúng từ ngày 05/09/2008.

Niên yết, giao dịch Upcom: Sàn giao dịch Upcom

Tên chứng khoán:	Cổ phiếu CTCP VINACAP KIM LONG
Loại chứng khoán:	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán:	VTE
Mệnh giá:	10.000 đồng
Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch:	15.600.000 cổ phiếu (<i>Mười lăm triệu sáu trăm nghìn cổ phiếu</i>)
Tổng giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch:	156.000.000.000 đồng (<i>Một trăm năm mươi sáu tỷ đồng</i>)
Ngày giao dịch đầu tiên:	Ngày 05 tháng 06 năm 2018

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103018208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2007; và đăng ký thay đổi lần thứ 08 theo số 0102306413 ngày 22 tháng 01 năm 2025 như sau:

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
	(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật)
2733 (Chính)	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại - Sản xuất, kinh doanh các loại dây (kể cả dây điện từ) và cáp; - Hệ thống cáp viễn thông, cáp thông tin, cáp điện, cáp công nghiệp, phụ tùng và phụ kiện cáp;
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá - Đại lý mua bán, đại lý phân phối các nguyên vật liệu, sản phẩm và dịch vụ sản xuất kinh doanh; - Môi giới thương mại;
2610	Sản xuất linh kiện điện tử - Sản xuất linh kiện điện tử - Sản xuất, lắp ráp các thiết bị điện, điện tử và tin học;
2630	Sản xuất thiết bị truyền thông - Sản xuất, lắp ráp các thiết bị bưu chính, viễn thông
2710	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện - Sản xuất, kinh doanh các loại vật tư, vật liệu, phụ kiện và các thiết bị đầu nối mạng viễn thông, mạng điện lực hay mạng chuyên ngành khác; - Sản xuất các sản phẩm điện dân dụng; - Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm điện gia dụng;
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác - Cho thuê các máy móc, thiết bị ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử và tin học;
4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; - Kinh doanh các loại thẻ dùng trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin;
2720	Sản xuất pin và ắc quy
4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Kinh doanh bất động sản;
4321	Lắp đặt hệ thống điện - Lắp đặt, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học; - Xây lắp các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học;
6311	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan
6312	Cổng thông tin

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
	(trừ hoạt động báo chí)
9512	Sửa chữa thiết bị liên lạc
1811	In ấn
2740	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng
4741	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh
6329	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu - Dịch vụ thông tin qua điện thoại;
4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh
6190	Hoạt động viễn thông khác - Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông; - Đại lý dịch vụ viễn thông; - Kinh doanh hàng hóa viễn thông chuyên dùng, thiết bị vô tuyến điện: Thiết bị có gắn số thuê bao viễn thông, thẻ thanh toán dịch vụ viễn thông
7310	Quảng cáo - Quảng cáo thương mại;
6622	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm - Đại lý bảo hiểm
7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu - Chuyển giao kỹ thuật công nghệ ngành viễn thông, điện, điện tử và tin học;
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)
6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu - Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng (không gồm nhận ủy thác đầu tư tài chính, chứng khoán)
2732	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác
2812	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu
7710	Cho thuê xe có động cơ

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
	- Cho thuê xe ô tô từ 4 – 16 chỗ ngồi
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;
2813	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị công nghiệp; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường;
1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu - Sản xuất các loại trà dược thảo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ; - Sản xuất các thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như bánh Sandwich, bánh Pizza; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc, nhân tạo; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng.

2.2. Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính

2.2.1 Sản xuất

Cáp loại cáp sợi đồng : Từ năm 1992 đến nay.

Dây và Cáp điện dân dụng và thiết bị điện : Từ năm 2008 đến nay.

Cáp quang, phụ kiện và dây cáp viễn thông sợi đồng

Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP tiền thân là công ty Liên doanh Cáp Vinadaesung, doanh nghiệp đầu tiên của ngành Bru điện liên doanh với Hãng Daesung Hàn Quốc sản xuất cáp thông tin sợi đồng và đã chuyển giao công nghệ sản xuất cho nhiều đơn vị Việt Nam cùng sản xuất.

Thừa hưởng các cơ sở vật chất, quy trình sản xuất **Cáp thông tin lõi đồng** cũng như mô hình quản lý hiệu quả của Công ty Liên doanh Vinadaesung, trong năm 2007 Công ty chuyển đổi

thành Công ty cổ phần, tiếp tục hoạt động sản xuất cáp sợi đồng cho thị trường Việt nam. Trong năm 2007, cáp thông tin lõi đồng vẫn là sản phẩm duy nhất của Công ty nên tỷ trọng của sản phẩm này chiếm 100% doanh thu của Công ty.

Hình ảnh một số sản phẩm cáp thông tin lõi đồng tiêu biểu

Cáp tự treo có đầu



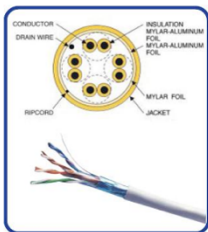
- Dung lượng từ 1 đôi đến 600 đôi.
- Đường kính dây dẫn 0,4mm; 0,5mm; 0,6mm
- Dây dẫn đồng 0,4; 0,5 mm tráng thiếc
- Vỏ bọc PVC chống cháy

Cáp Tip

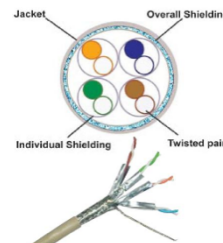


- Dung lượng đến 600 đôi
- Dây dẫn đồng 0,4; 0,5 mm tráng thiếc
- Vỏ bọc PVC chống cháy

Cáp mạng Lan Dintek CAT.5E FTP



Cáp mạng Lan Dintek CAT.6 S-STP

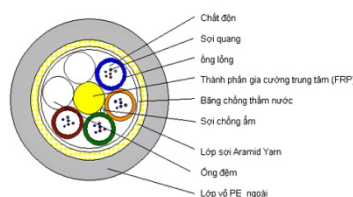
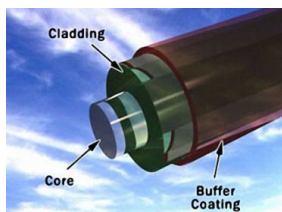


Nhận biết được sự xu hướng của thị trường trong việc thay thế cáp thông tin lõi đồng bằng cáp quang, Công ty đã đầu tư dây chuyền sản xuất cáp quang và chính thức vận hành từ đầu năm 2008. Đến tháng 9 năm 2008, Công ty đã đưa sản phẩm cáp quang ra thị trường. Tuy nhiên, xu thế thị trường cáp viễn thông sợi đồng ngày càng sụt giảm. Năm 2009, doanh thu của sản phẩm cáp quang tiếp tục tăng mạnh và cáp viễn thông sợi đồng tiếp tục giảm do nhu cầu về sản phẩm này trên thị trường giảm xuống.

Dòng sản phẩm cáp quang được sản xuất theo các đơn đặt hàng lớn của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel), Tập đoàn FPT với chất lượng tốt, uy tín trên thị trường hiện nay.

Hình ảnh một số sản phẩm cáp quang

Cáp quang



2.2.2. Dây điện dân dụng, cáp điện và thiết bị điện

Bên cạnh việc đưa sản phẩm cáp quang mới vào thị trường, Công ty tiếp tục mạnh dạn đầu tư dây chuyền sản xuất **Dây cáp điện hiện đại**, là một mặt hàng mới, có tính cạnh tranh cao, nhưng được

thừa hưởng trình độ sản xuất và con người của Công ty Liên doanh Vinadeasung trước đây. Với định hướng là sản phẩm có chu kỳ sống dài sẽ thay thế dần việc sản xuất cáp viễn thông khi thị trường thay đổi. Hiện nay, Thị trường hiện nay của Công ty bao gồm các tỉnh từ phía Bắc đến Bình Định. Đối với sản phẩm thiết bị điện, Công ty đang tiếp tục phát triển các thiết bị điện: Bóng đèn Compact, tủ điện, linh kiện điện... nhằm trở thành một nhà sản xuất có uy tín về các sản phẩm điện dân dụng.

2.2.3. Thương mại

Do cạnh tranh trong lĩnh vực sản xuất ngày càng gia tăng nên Công ty định hướng mở rộng lĩnh vực hoạt động, phát triển mảng thương mại từ năm 2009 đến nay.

Vật tư, phụ kiện cho mạng lưới: đây là hoạt động mua bán thường xuyên đáp ứng nhu cầu duy trì ổn định mạng lưới của tập đoàn VNPT và các nhà khai thác viễn thông khác. Công ty đã có quan hệ với những đối tác cung cấp uy tín, chất lượng. Đây là hướng đi được Tập đoàn chỉ đạo để đầu ra của doanh nghiệp này là đầu vào của doanh nghiệp khác trong Tập đoàn. Do vậy, hoạt động sẽ được mở rộng và ổn định. Khách hàng chính là Vinaphone, MobiFone, Viễn thông tỉnh, FPT Telecom, Viettel. Đây là lĩnh vực mang lại doanh thu lớn cho Công ty trong năm 2009, và đang tăng mạnh.

Cung cấp thiết bị viễn thông, thiết bị nguồn: Thiết bị truyền dẫn quang SDH, thiết bị nguồn... Các thiết bị cho nhà mạng viễn thông như nguồn, Accqui, Ăngten....

Thi công xây lắp mạng viễn thông: lắp đặt thiết bị nguồn, thiết bị truyền dẫn

2.3. Địa bàn kinh doanh

Công ty có địa bàn hoạt động kinh doanh trên toàn quốc với hệ thống đại lý bàn hàng trải rộng trên các tỉnh toàn quốc và bước đầu có hoạt động xuất khẩu sang thị trường một số nước: Myanmar, Phillipine, Campuchia, Mozambique... và các nước khác trên thế giới tuân thủ theo quy định của Pháp luật Việt Nam và thông lệ Quốc tế.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Trụ sở hoạt động của Công ty Cổ phần Vinacap Kim Long:

Địa chỉ: Dốc Vân, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội

Điện thoại : 04.3827312 - Fax: 04.382722292

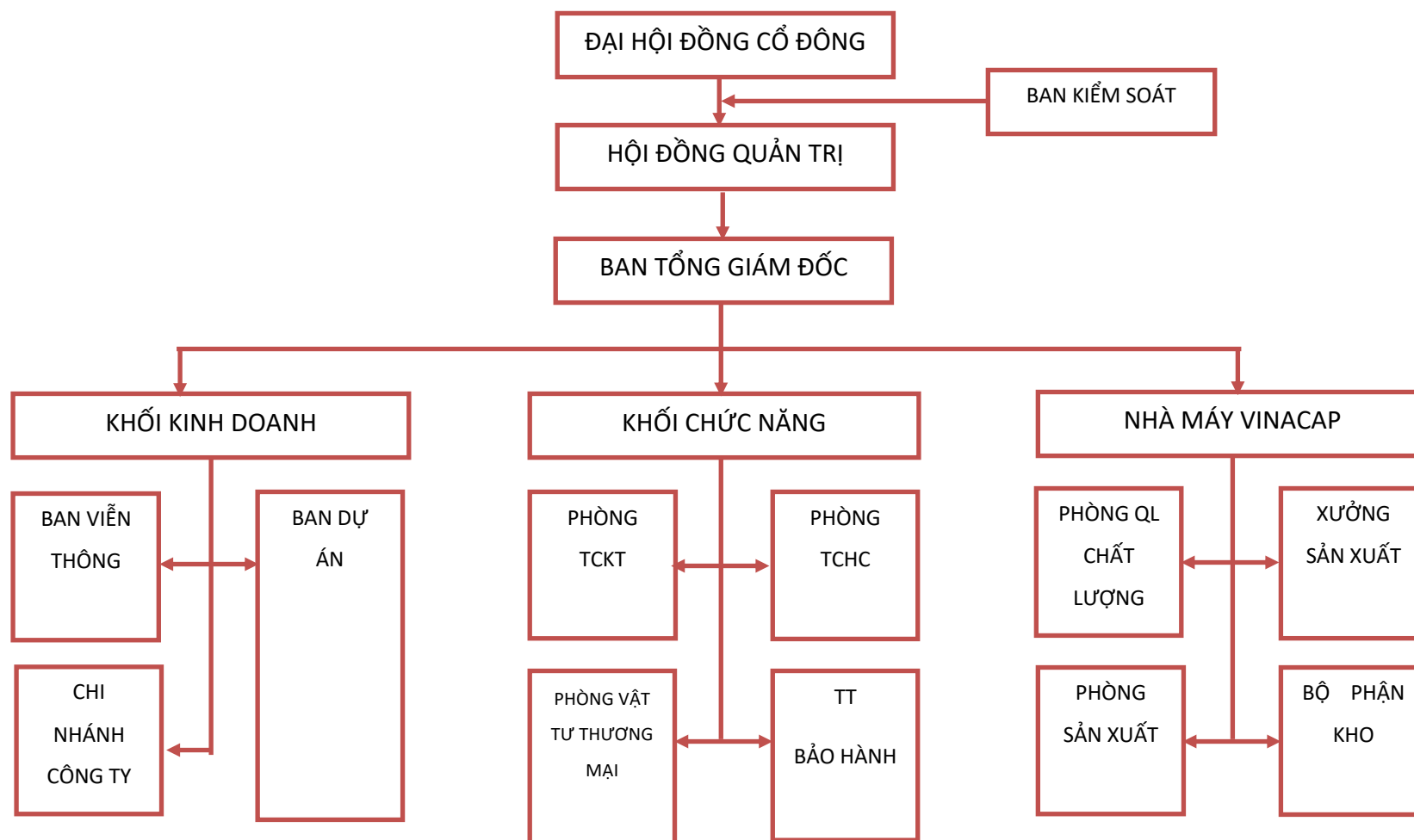
Website : www.vinacap.vn

Văn phòng tại Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 02 Số 166 Phố Trần vỹ, Phường mai dịch, Tp Hà Nội

Điện thoại : 04.35377989

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG



Công ty Cổ phần Vinacap Kim Long được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Điều lệ Công ty Cổ phần Vinacap Kim long ban hành ngày 06/02/2023.

Quy chế Quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap ban hành kèm theo Quyết định số 057/10/QĐ-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 15 tháng 11 năm 2010.

3.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất và quyết định mọi vấn đề lớn của Công ty

Thông qua Điều lệ, tổ chức hoạt động, phương hướng sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển của Công ty.

Bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

3.2. Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia lãi cổ phần, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của Công ty;

Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc;

Kiến nghị sửa đổi và bổ sung Điều lệ của Công ty;

Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

Hội đồng quản trị Công ty hiện có 03 thành viên, Ngoài ra công ty có Thư ký công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

3.3. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc nhà máy.

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật và điều hành hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc nhà máy do Tổng giám đốc bổ nhiệm và miễn nhiệm. Phó Tổng Giám đốc là người giúp cho Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền.

3.4. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt cổ đông để kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

VINACAP là đơn vị thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) với số vốn góp là 49.920.000.000 đồng (Bốn mươi chín tỷ chín trăm hai mươi triệu đồng) tương đương 4.992.000 cổ phần chiếm 32% vốn điều lệ.

VINACAP không có công ty mẹ.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành

Đảm bảo hiệu quả hoạt động SXKD

Đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư và Công ty

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Tăng trưởng bền vững, đạt hiệu quả

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Tạo công ăn việc làm cho toàn thể cán bộ công nhân viên

Có trách nhiệm với xã hội

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty).

Tăng trưởng kinh tế

Là một yếu tố quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi các biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới.

Lạm phát

Tình hình lạm phát ở nước ta trong thời gian qua có những diễn biến khó lường. Sự biến động của lạm phát trong thời gian qua sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào, cũng như sản phẩm dịch vụ đầu ra của Công ty. Điều đó sẽ gây khó khăn cho Công ty trong việc điều chỉnh các chiến lược phù hợp với môi trường kinh doanh đang có những biến động mạnh.

Tuy nhiên nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng sau khủng hoảng có triển vọng phát triển tốt là lực đẩy tốt cho ngành sản xuất vật liệu, thiết bị phục vụ cho những ngành hạ tầng thiết yếu như viễn thông và điện lực phát triển.

Rủi ro về luật pháp

Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các văn bản có liên quan. Ngoài ra, khi trở thành công ty đại chúng và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, Công ty phải tuân theo Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Rủi ro đặc thù: Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu, Rủi ro tỷ giá, Rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm

II. Tình hình hoạt động trong năm 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất trong năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2024	Năm 2023	%TH/NT
		VND	VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	339,912,074,165	381,793,695,562	89.0%
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	189,364,230	0.0%
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	339,912,074,165	381,604,331,332	89.1%
11	4. Giá vốn hàng bán	315,255,550,654	351,391,832,693	89.7%
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24,656,523,511	30,212,498,639	81.6%
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	121,854,078	132,296,159	92.1%
22	7. Chi phí tài chính	3,242,474,860	5,735,340,236	56.5%
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	2,467,712,166	4,778,062,035	51.6%
25	8. Chi phí bán hàng	10,600,928,155	11,425,087,119	92.8%
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	10,016,566,433	11,133,538,839	90.0%
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	918,408,141	2,050,828,604	44.8%
31	11. Thu nhập khác	68,050,273	66,456,571	102.4%
32	12. Chi phí khác	146,837,492	57,013,988	257.5%
40	13. Lợi nhuận khác	(78,787,219)	9,442,583	-834.4%
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	839,620,922	2,060,271,187	40.8%
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	434,919,683	850,414,781	51.1%
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	404,701,239	1,209,856,406	33.5%
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	78	33.3%

- **Tình hình thực hiện so với kế hoạch 2024**

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		
			Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH
1	Doanh thu	381.79	389.02	339.91	87.38%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.06	2.54	0.84	33.09%
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	1.21	2.03	0.40	19.94%
4	Vốn điều lệ bình quân	156	156	156	100.00%
5	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	0.68%	1%	0.226%	22,6%
6	Thù lao HĐQT, BKS	0.012	0.0609	0.0109	19.94%
7	Trích lập các quỹ	0.121		0.0404	

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		
			Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH
	Quỹ phúc lợi 5%	0.0605		0.0202	
	Quỹ khen thưởng 5%	0.0605		0.0202	

2 Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
I) HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ								
1	Ngô Hoàng Phương	1973	Thanh Hóa	Thạc sỹ quản trị kinh doanh	Chủ tịch HĐQT	108.160	0,69 %	Tái bổ nhiệm 7/3/2022
2	Ông Nguyễn Thanh Hải	1974	Hải Dương	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	UV HĐQT	2.995.200	19,2%	Tái bổ nhiệm 7/3/2022
Ông Nguyễn Thanh Hải làm đại diện 19,2% phần vốn của Tập đoàn VNPT								
3	Ông Ngô Hữu Tâm	1981	Thanh Hóa	Thạc sỹ quản trị kinh doanh	TGD Công ty	80.080	0,51%	Bổ nhiệm ngày 07/03/2022
Bổ nhiệm chức vụ UVHĐQT/Tổng giám đốc Công ty đối với Ông Ngô Hữu Tâm từ ngày 07/03/2022 theo Nghị Quyết số 01/22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/03/2022 của Đại hội đồng cổ đông.								
II) BAN TỔNG GIÁM ĐỐC								
1	Ông Ngô Hữu Tâm	1981	Thanh Hóa	Thạc sỹ quản trị kinh doanh	TGD Công ty	80.080	0,51%	Bổ nhiệm ngày 07/03/2022
2	Ông Trần Văn Quý	1983	Nam Định	Cử nhân	Phó Tổng giám đốc			Bổ nhiệm ngày 05/03/2025
3	Ông Hoàng Văn Lợi	1973	Hải phòng	Cử nhân	Phó Tổng giám đốc	1.996.800	12,8%	Bổ nhiệm: 08/09/2022
Ông Hoàng Văn lợi làm đại diện 12,8% phần vốn của Tập đoàn VNPT								
III) BAN KIỂM SOÁT								

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
1	Phạm Văn Ninh	1975	Nam Định	Kỹ sư	Trưởng ban kiểm soát	10.400	0,07%	Tái bổ nhiệm 7/3/2022
2	Đinh Quang Hữu	1973	Ninh Bình	Thạc sỹ	TV BKS	0	0%	Tái bổ nhiệm 7/3/2022
3	Vũ Hoàng Công	1984	Lạng Sơn	Thạc sỹ, CPA	TV BKS	0	0 %	Tái bổ nhiệm 7/3/2022

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: Không

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên.

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Cơ cấu lao động theo giới tại ngày 31/12/2024

Cơ cấu theo giới		
Giới	Số lượng (người)	Tỷ lệ
Nam	45	73,7%
Nữ	16	26,3%
Tổng	61	

Cơ cấu lao động theo trình độ học vấn tại ngày 31/12/2023

Cơ cấu theo trình độ học vấn		
Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ
Đại học và trên đại học	30	49%
Cao đẳng	5	8,2%
Trung học chuyên nghiệp và trình độ khác	26	42,8%
Tổng	61	

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: Không

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	% 2024/2023
Tổng giá trị tài sản	311,590,967,055	278,119,488,082	112%
Doanh thu thuần	339,912,074,165	381,604,331,332	89%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	918,408,141	2,050,828,604	45%
Lợi nhuận khác	(78,787,219)	9,442,583	-834%
Lợi nhuận trước thuế	839,620,922	206,271,187	407%
Lợi nhuận sau thuế	404,701,239	1,209,856,406	33%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	26	78	33%

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ số tài chính

TT	Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
1.	Đòn cân nợ và cơ cấu tài sản nguồn vốn		
1.1	Bố trí cơ cấu tài sản		
	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	8,486,357,502	9,935,594,988
		311,590,967,055	278,119,488,082
		2.72%	3.57%
	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	303,104,609,553	268,183,893,094
		311,590,967,055	278,119,488,082
		97.28%	96.43%
1.2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn		
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	142,139,055,414	107,878,487,680
		311,590,967,055	278,119,488,082
		45.62%	38.79%
	Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn (Hệ số tài trợ)	169,451,911,641	170,241,000,402
		311,590,967,055	278,119,488,082
		54.38%	61.21%
1.3	Tỷ trọng vốn vay và nợ		
	Nợ ngắn hạn / Tổng nguồn vốn	142,114,055,414	107,853,487,680
		311,590,967,055	278,119,488,082
		45.61%	38.78%
	Nợ dài hạn / Tổng nguồn vốn	25,000,000	25,000,000
		311,590,967,055	278,119,488,082
		0.01%	0.01%
	Nợ dài hạn / Nguồn vốn chủ sở hữu	25,000,000	25,000,000
		169,451,911,641	170,241,000,402
		0.01%	0.01%

TT	Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
1.4	Tỷ số Nợ phải trả / Vốn cổ phần	142,139,055,414	107,878,487,680
		156,000,000,000	156,000,000,000
		91.11%	69.15%
1.5	Tỷ số Nợ phải trả / Nguồn vốn chủ sở hữu (Hệ số nợ trên vốn chủ)	142,139,055,414	107,878,487,680
		169,451,911,641	170,241,000,402
		83.88%	63.37%
1.6	Tỷ số Nợ phải trả / Tổng tài sản (Hệ số nợ)	142,139,055,414	107,878,487,680
		311,590,967,055	278,119,488,082
		45.62%	38.79%
1.7	Tốc độ tăng tổng tài sản	33,471,478,973	0
		278,119,488,082	0
		12.03%	0.00%

TT	Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
2.	Khả năng thanh toán		
2.1	Tỷ lệ thanh toán tổng quát	311,590,967,055	278,119,488,082
		142,139,055,414	107,878,487,680
		2.192155887	2.578081081
2.2	Tỷ lệ thanh toán hiện hành	303,104,609,553	268,183,893,094
		142,114,055,414	107,853,487,680
		2.132826402	2.486557448
2.3	Tỷ lệ thanh toán nhanh	201,910,976,561	149,703,921,259
		142,114,055,414	107,853,487,680
		1.420767115	1.388030415
2.4	Tỷ lệ thanh toán tức thời	38,156,622,259	25,329,997,128
		142,114,055,414	107,853,487,680
		0.268492952	0.234855615
2.5	Hệ số khả năng chi trả	60,349,097,749	4,168,307,113
		142,114,055,414	107,853,487,680
		0.424652562	0.038647866
2.6	Khả năng thanh toán lãi vay	839,620,922	2,060,271,187
		2,467,712,166	4,778,062,035
		0.34	0.43
2.7	Tỷ số đảm bảo nợ		
	Tỷ số đảm bảo nợ dài hạn	8,486,357,502	9,935,594,988
		25,000,000	25,000,000
		339.45	397.42
	Tỷ số đảm bảo nợ ngắn hạn	303,104,609,553	268,183,893,094
		142,114,055,414	107,853,487,680
		2.13	2.49

3.	Chỉ số sinh lời		
3.1	Tỷ suất Lợi nhuận / Doanh thu		
	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	404,701,239	1,209,856,406
		339,912,074,165	381,604,331,332
		0.12%	0.32%
	Tỷ suất Lợi nhuận gộp / Doanh thu thuần	24,656,523,511	30,212,498,639
		339,912,074,165	381,604,331,332
		7.25%	7.92%
3.3	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân (ROA)	404,701,239	0
		294,855,227,569	0
		0.14%	0.00%
3.4	Khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE)	404,701,239	0
		169,846,456,022	0
		0.24%	0.00%
3.5	Tỷ lệ Hoàn vốn đầu tư (ROI)	404,701,239	0
		156,000,000,000	0
		0.26%	0.00%
3.6	Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận	(805,155,167)	0
		1,209,856,406	0
		-66.55%	0.00%

4.	Chỉ số hoạt động		
4.1	Số vòng quay các khoản phải thu	339,912,074,165	0
		140,179,930,103	0
		2.424826963	0
	Thời gian thu tiền bình quân (= thời gian kỳ ph	#DIV/0!	#DIV/0!
4.2	Số vòng quay các khoản phải trả	315,255,550,654	0
		72,653,033,253	0
		4.339193239	0
	Thời gian trả tiền bình quân (= thời gian kỳ ph	#DIV/0!	#DIV/0!
4.3	Số vòng quay hàng tồn kho	315,255,550,654	0
		109,836,802,414	0
		2.870217848	0
	Thời gian quay vòng của hàng tồn kho (= thời	#DIV/0!	#DIV/0!

4.4	Số vòng quay vốn lưu động	339,912,074,165	0
		285,644,251,324	0
		1.189983949	0
	Thời gian quay vòng của vốn lưu động (= thời	#DIV/0!	#DIV/0!
4.5	Hiệu suất sử dụng tài sản cố định	339,912,074,165	0
		9,051,956,205	0
		37.55122832	0
4.6	Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản	339,912,074,165	0
		294,855,227,569	0
		1.152810065	0
4.7	Hiệu suất sử dụng vốn chủ sở hữu	339,912,074,165	0
		169,846,456,022	0
		2.001290354	0
4.8	Hiệu suất sử dụng vốn cổ phần	339,912,074,165	0
		156,000,000,000	0
		2.178923552	0
4.9	Tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần	(41,692,257,167)	0
		381,604,331,332	0
		-10.93%	0.00%

5.	Khả năng tăng trưởng		
	Tỷ số lợi nhuận tích lũy	404,701,239	1,209,856,406
		471,729,814	1,260,818,575
		85.79%	95.96%
	Tỷ số tăng trưởng bền vững	471,729,814	1,260,818,575
		169,451,911,641	170,241,000,402
		0.28%	0.74%
6.	Hệ số cân đối vốn		
	Vốn luân chuyển	160,990,554,139	160,330,405,414
	Vốn lưu động thuần	160,990,554,139	160,330,405,414

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không**a) Cổ phần:**

Cơ cấu cổ phần chứng khoán:

Loại chứng khoán	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Chứng khoán phổ thông	474	15.600.000	100 %
Chứng khoán hạn chế chuyển nhượng	0	0	0%
Tổng số	474	15.600.000	100 %

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông theo loại hình cổ đông:

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	474	15.600.000	100
	Tổ chức	3	5.695.744	36.51
	Cá nhân	471	9.904.256	63.49
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	Tổ chức	0	0	0
	Cá nhân	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng cộng		474	15.600.000	100

Theo danh sách chốt đến 03 tháng 04 năm 2024: Vốn điều lệ là 156.000.000.000 đồng tương đương 15.600.000 cổ phần và cơ cấu cổ đông nắm giữ trên 5% như sau:

TT	Họ và tên	Số CMND/ĐKSH	Địa chỉ	SLCP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	100684378	Số 57 - Huỳnh Thúc Kháng Đống Đa - Hà Nội	4.992.000	32,00%
4	Ngô Thị Kiều Trang	038189001242	47q ngõ 416 Lạc Long quân, Nhật Tân, Tây hồ, Hà nội	2.642.860	16,9%
2	Nguyễn Thanh Hà	001173012778	Tổ 31, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	1.987.336	12,7%
3	Ngô Phúc Lâm	001201009170	Tổ 31, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	1.622.936	10,4%
5	Tổ chức và các nhân khác (nắm giữ dưới 5%)			4.354.868	27,9%

Tổng cộng	15.600.000	100%
-----------	------------	------

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

Các chứng khoán khác: Không

III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024:

1.1 Sản phẩm cáp quang và dây thuê bao:

Năm 2024 sản phẩm cáp Quang và dây TB Quang của công ty sản xuất không đều 3 ca. Tổng cầu thị trường giảm mạnh, cùng ngành cạnh tranh mang tính triệt tiêu nhau để có việc làm cho người lao động và giảm chi phí cố định cho doanh nghiệp. Nhiều đơn hàng nhỏ lẻ để có việc làm Công ty vẫn phải sản xuất, hiệu quả thấp. Giá vật tư biến động mạnh do ảnh hưởng bởi tỷ giá. Các yếu tố trên ảnh hưởng tiêu cực tới kết quả kinh doanh Công ty trong năm 2023.

1.2. Điện dân dụng

Dây điện dân dụng là mặt hàng công ty cũng có nhiều khó khăn chạy không đủ công suất 1 ca. Năm 2024 là năm khó khăn, ngành bất động sản và đầu tư công ảnh hưởng nặng do bối cảnh kinh tế khó khăn chung. Đầu tư công bị cắt giảm, Bất động sản đình trệ cho không bán được hàng. Xây dựng dân dụng ít do bối cảnh kinh tế khó khăn chung. Việc này ảnh hưởng lớn tới việc Công ty không hoàn thành kế hoạch và Kết quả kinh doanh chưa được như kỳ vọng.

1.3. Cáp mạng LAN:

Hiện nay Cáp mạng Lan của Công ty là sản phẩm nội địa có chất lượng cao và có tiếng trên thị trường. Năm 2024, Cáp mạng Lan của công ty sản xuất không ổn định, sản lượng sụt giảm do ảnh hưởng chung của việc Bất động sản đóng băng và xây dựng dân dụng suy giảm mạnh do kinh tế khó khăn. Năm 2024 thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2024 Công ty dự kiến đầu tư dây chuyền nâng công suất lên 7000 Box. Tuy nhiên, do bối cảnh kinh tế khó khăn, Công suất của dây chuyền hiện tại cũng không khai thác hết, Ban điều hành đã quyết định dừng triển khai việc nhập dây chuyền nâng công suất.

1.4. Kinh doanh thương mại dự án:

Bên cạnh các hoạt động sản xuất chính, Công ty cố gắng hợp tác với các hãng thiết bị viễn thông, Các dự án thương mại (EVN; Tổng cục dự trữ.v.v.), thiết bị điện và công nghệ thông tin. Hoạt động thương mại và dự án là nguồn thu bù đắp cho những sản phẩm còn yếu của công ty như thị trường dây điện dân dụng.

Trong năm 2024, mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng Công ty tìm mọi biện pháp tồn tại và kiên trì duy trì SXKD. Cụ thể kết quả SXKD như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		
			Kế hoạch	Thực hiện	% HT
1	Doanh thu	381.79	389.02	339.91	87.38%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.06	2.54	0.84	33.09%
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	1.21	2.03	0.40	19.94%
4	Vốn điều lệ bình quân	156	156	156	100.00%
5	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	0.68%	1%	0.226%	22,6%
6	Thù lao HĐQT, BKS	0.012	0.0609	0.0109	17,89%
7	Trích lập các quỹ	0.121		0.0404	
	<i>Quỹ phúc lợi 5%</i>	0.0605		0.0202	
	<i>Quỹ khen thưởng 5%</i>	0.0605		0.0202	

(Theo tài liệu Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024)

2. Tình hình tài chính:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	TH/NT %
1	Tổng tài sản	278,119	311,591	93.45%
2	Nợ ngắn hạn	107,853	142,114	84.89%
3	Nợ dài hạn	25	25	100.00%
4	Vốn chủ sở hữu	170,241	169,452	99.84%
	a. Vốn điều lệ	156,000	156,000	100.00%
	b. Thặng dư vốn cổ phần			100.00%
	c. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
	d. Lợi nhuận chưa phân phối	1,261	472	81.77%

(Nguồn: Trích Báo cáo tài chính 2024 đã kiểm toán)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Năm 2024, Ban TGD hoạt động có 01 TGD và 01 Phó TGD điều hành dưới sự chỉ đạo của HĐQT và trực tiếp của Chủ tịch HĐQT Công ty trong các hoạt động kinh doanh.
- Kien toan cong tac to chuc: Vinacap gom cac don vi phong ban:

Khôi kinh doanh: Chi nhánh Hà Nội; Ban Viễn thông; Ban dự án.

Khôi văn phòng: Phòng TCTH, Phòng TCKT; Phòng VTTM.

Nhà máy: VPNM, Phòng SX, Phòng QLCL – QM, Bộ phận kho;

- Ban hành cơ chế khoán cho công nhân và Khởi kinh doanh phù hợp với bối cảnh mới

Giải pháp đã triển khai trong năm 2024:

Ngay từ đầu năm 2024, Ban TGD đã nhận định đánh giá được bối cảnh kinh doanh qua các cuộc họp HĐQT thường kỳ/cả đột xuất để triển khai các giải pháp phù hợp:

Thực hiện nghị quyết của HĐQT Ban TGD đã triển khai quyết liệt các giải pháp trong điều hành, quản lý và đạt được một số kết quả tích cực:

- Năm 2024 nhận diện bối cảnh kinh tế khó khăn, Ban điều hành đã chủ động sắp xếp lại sản xuất: Sắp xếp lại vị trí máy móc hợp lý, Sắp xếp lại nhân sự trực tiếp/gián tiếp sản xuất. Cơ cấu lại công việc các vị trí trong toàn công ty để từng cá nhân gánh đỡ thêm việc và để tinh giản nhân sự dư thừa, áp dụng các biện pháp tiết giảm chi phí để đảm bảo an toàn Tài chính cho Công ty trong bối cảnh ít việc làm và Nhà máy không đủ việc sản xuất: Cắt giảm tối đa chi phí hoạt động: Thu hẹp/chuyển đổi văn phòng giảm chi phí thuê văn phòng, Chi phí VPP, điện, nước v.v. giảm áp lực quỹ lương toàn công ty trong bối cảnh tình hình SXKD đi xuống. Xây dựng các quy chế quản lý gắn chặt với hiệu quả công việc, Ban hành thí điểm cơ chế khoán Sản xuất, Khoán Kinh doanh để phù hợp với bối cảnh tình hình mới.
- Thu hồi nợ Viettel công trình, Các dự án của Ban viễn thông và MSTT để giảm áp lực tài chính và tiết giảm chi phí Tài chính cho công ty.
- Tiếp tục giao Giám đốc nhà máy xây dựng và sắp xếp tiêu chuẩn 5S và ISO cho nhà máy sản xuất, xây dựng các quy định và kiểm soát chất lượng, tiết kiệm giá thành.
- Ổn định và giám sát thường xuyên các hoạt động kinh doanh của các bộ phận, bám sát việc hoàn thành doanh thu và lợi nhuận của Công ty giao.

Xây dựng phát triển văn hóa doanh nghiệp

- Xây dựng môi trường - văn hóa công ty chuyên nghiệp: Công ty đã thực hiện các buổi sinh hoạt văn hóa doanh nghiệp, tổ chức các buổi đào tạo nâng kỹ năng quản lý cho cán bộ từ cấp trưởng phó phòng trở lên. Các hoạt động gắn kết đội ngũ được tổ chức định kỳ nâng cao mức độ hài lòng và gắn kết nhân viên và các cán bộ quản lý. Tổ chức sinh hoạt và đào tạo chuyên môn cho CBCNV, Cán bộ Quản lý : Đào tạo và Xây dựng tinh thần đội nhóm, văn hóa công ty
- Đã hướng dẫn/quản triệt cán bộ quản lý công ty về nâng cao trách nhiệm điều hành và triệt để tiết kiệm tránh lãng phí trong kinh doanh.
- Đã củng cố và ổn định tinh thần cho đội ngũ CB quản lý công ty. Hiện nay, công ty có cơ cấu điều hành gọn /nhẹ và tinh thần làm việc hăng say của CBCNV.
- Có các buổi đào tạo cán bộ quản lý cấp cao, nâng cao nhiệm vụ quản lý và các cán bộ chuyên môn nâng cao kỹ năng và nghiệp vụ phù hợp với xu hướng mới của xã hội hiện nay.

- Các hoạt động gắn kết đội ngũ được tổ chức định kỳ nâng cao mức độ hài lòng và gắn kết nhân viên và các cán bộ quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Thực hiện việc cải tạo xây dựng nhà xưởng để phục vụ SXKD và Mở ra hoạt động mới là Kinh doanh cho thuê nhà xưởng, mặt bằng (Đã được HĐQT thông qua).

Tổng cầu hiện tại các sản phẩm của công ty sụt giảm do tính chất đặc thù chung của ngành cấp. Công ty định hướng tìm kiếm các hướng đi: Kinh doanh sản phẩm/dịch vụ mới, tìm kiếm các hợp đồng thương mại để bù đắp chi phí cố định của công ty. Bán hàng Online hiện đang là xu hướng, Công ty đang triển khai thử nghiệm hoạt động bán Online.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 theo quy định:

Trong năm HĐQT đã tổ chức các cuộc họp theo quy định của Luật doanh nghiệp với đầy đủ các thành phần HĐQT; Ban kiểm soát và các cán bộ chủ chốt của Công ty để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT và thực hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ năm 2024 giao.

Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT và luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, làm cơ sở để Ban TGD thực hiện nhiệm vụ SXKD. Các thành viên HĐQT luôn tích cực phối hợp, hỗ trợ BLĐ công ty trong công tác điều hành hoạt động SXKD.

Phối hợp thường xuyên với Ban kiểm soát Công ty trong công tác giám sát hoạt động doanh nghiệp.

Giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban thực hiện nghị quyết của HĐQT.

2. Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty thông qua Nghị quyết và Quyết định chỉ đạo Ban TGD điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD theo nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024.

Trong bối cảnh nền kinh tế, thị trường còn nhiều rủi ro, cạnh tranh nhiều thách thức, Ban TGD điều hành đã báo cáo trình HĐQT, có giải pháp phù hợp trong điều hành hoạt động SXKD đã giúp cho Công ty hoạt động ổn định.

Công ty đã duy trì được sự ổn định trong tình hình thực tế biến động, đảm bảo cơ bản công việc làm, thu nhập cho người lao động và cân đối quyền lợi của cổ đông, chấp hành thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước.

Thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT, Ban TGD bám sát điều hành SXKD, kiểm toán báo cáo tài chính Công ty và công bố thông tin theo quy định.

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024: Công ty không đạt chỉ tiêu kế hoạch Doanh thu, lợi nhuận đề ra từ đầu năm.

Doanh thu: 339,91 tỷ đồng, đạt 87,38% kế hoạch đề ra

Lợi nhuận sau thuế: 0,4 tỷ đồng đạt 19,94% kế hoạch đề ra

Nguyên nhân:

Giá nguyên vật liệu biến động tăng do ảnh hưởng bởi tỷ giá

Bối cảnh kinh tế khó khăn chung: Doanh nghiệp và người dân đều cắt giảm đầu tư, chi tiêu dẫn đến việc công ty giảm sản lượng sản xuất.

Tổng cầu các sản phẩm của Công ty sản xuất giảm, các gói thầu của tập đoàn Vnpt giá dự toán thấp hiệu quả Công ty chưa như kỳ vọng.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng Quản trị

a) Thành viên và cơ cấu hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
1	Ngô Hoàng Phương	1973	Thanh Hóa	Thạc sỹ quản trị kinh doanh	Chủ tịch HĐQT	108.160	0,69 %	Tái bổ nhiệm 07/03/2022
2	Ông Nguyễn Thanh Hải	1974	Hải Dương	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	UV HĐQT	2.995.200	19,2%	Tái bổ nhiệm 07/03/2022
Ông Nguyễn Thanh Hải làm đại diện 19,2% phần vốn của Tập đoàn VNPT tại Công ty VINACAP								
3	Ngô Hữu Tâm	1981	Thanh Hóa	Thạc sỹ quản trị kinh doanh	TGĐ Công ty	80.080	0,51%	Bổ nhiệm ngày 07/03/2022
Ông Ngô Hữu Tâm được bổ nhiệm làm UV HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 07/03/2022 theo Nghị Quyết số 01/22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/03/2022 của Đại hội đồng cổ đông.								

b) Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã chỉ định một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

Làm biên bản các cuộc họp;

Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

c) Hoạt động của hội đồng quản trị:

* Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty trong năm 2024:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi TV HĐQT tham dự họp	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Ngô Hoàng Phương	Chủ tịch	Bắt đầu 07/03/2022	4/4	100%	-
2	Ông Nguyễn Thanh Hải	Ủy viên (Đại diện vốn VNPT)	Bắt đầu 07/03/2022	3/4	75%	Bận công tác có uỷ quyền
3	Ông Ngô Hữu Tâm	Ủy viên - Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc VINACAP	Bắt đầu 07/03/2022	4/4	100%	

* Nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị

Năm 2024		
Ngày	Số văn bản	Nội dung
25/03/2024	01/24/NQ-HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhận báo cáo đánh giá việc thực hiện NQ ĐHCĐ Năm 2024 và ghi nhận Kết quả sản xuất kinh doanh 02 tháng đầu năm 2024: - Ghi nhận các giải pháp định giảm lỗ và định hướng tìm hướng đi mới năm 2024. - Phê duyệt hạn mức vay tín dụng của công ty năm 2024 và các năm tiếp theo: - Thông qua kế hoạch tổ chức đại hội cổ đông thường niên 2024
18/06/2024	01/24/QĐ-HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2024
08/08/2024	02/24/NQ-HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhận báo cáo đánh giá việc thực hiện NQ ĐHCĐ Năm 2024 và ghi nhận Kết quả sản xuất kinh doanh 07 tháng đầu năm 2024: - Ghi nhận các giải pháp giảm lỗ và định hướng thực hiện kế hoạch SXKD đến hết năm 2024; - Đồng ý đầu tư 01 máy in khắc laze và 01 máy biến áp 320KVA - Ủy quyền cho TGD phê duyệt dự án đầu tư mua sắm tài sản cố định tối đa 01 tỷ đồng. Ủy quyền này có hiệu lực trong nhiệm kỳ hiện nay của HĐQT.

30/12/2024	04/24/NQ-HDQT	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhận báo cáo đánh giá việc thực hiện NQ ĐHĐCĐ Năm 2024 và ghi nhận dự kiến Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024. - Ghi nhận dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025. - Dừng đầu tư dây chuyền cáp LAN nên 7000 box/tháng - Ghi nhận tầm nhìn đề án nâng cấp cải tạo nhà xưởng - Đồng ý việc ông Ngô Hữu Tâm - Tổng giám đốc ủy quyền cho Ông Ngô Hoàng Phương ký duyệt các chứng từ liên quan đến toàn bộ hoạt động của công ty kể từ ngày 01/01/2025. - Ủy quyền cho Tổng giám đốc phê duyệt hạn mức vay tín dụng của công ty năm 2025.
------------	---------------	---

(Các kỳ HĐQT Công ty tổ chức đều có sự tham dự của Ban kiểm soát Công ty và một số cán bộ quản lý của Công ty).

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
1	Phạm Văn Ninh	1975	Nam Định	Kỹ sư	Trưởng ban BKS nhiệm kỳ III (2017-2022)	10.400	0,07%	
2	Đình Quang Hữu	1973	Ninh Bình	Thạc sỹ	TV BKS nhiệm kỳ III (2017-2022)	0	0	
3	Vũ Hoàng Công	1984	Lạng Sơn	Thạc sỹ, CPA	TV BKS nhiệm kỳ III (2017-2022)	0	0 %	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Văn Ninh	Trưởng ban	Bổ nhiệm 07/06/2018	4/4	100%	
2	Ông Đình Quang Hữu	Thành viên	Bổ nhiệm 7/06/2018	4/4	100%	
3	Ông Vũ Hoàng Công	Thành viên	17/05/2017	4/4	100%	

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (Đvt: Tỷ đồng)

TT	Nội dung	Năm 2024		
		Kế hoạch	Thực hiện	%TH/KH
1	Thù lao HĐQT, BKS	0,0609	0,0109	17,9%

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không

(Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

(Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Theo đúng quy định hiện hành.

(Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

VI) Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024: Kèm theo

Hà nội, ngày 08 tháng 04 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



NGÔ HỮU TÂM